

I. NỘI DUNG

1. Sơ đồ tư duy
2. Định dạng văn bản.
3. Tìm kiếm và thay thế
4. Thuật Toán

II. BÀI TẬP THAM KHẢO

A. Tự luận:

Câu 1: sơ đồ tư duy là gì? Lợi ích của việc sử dụng sơ đồ tư duy?

Câu 2: Nêu cách chọn hướng trang và lề trang

Câu 3: Nêu lợi ích việc trình bày thông tin dưới dạng bảng:

Câu 4: Nêu thao tác tìm kiếm và thay thế

Câu 5: Thuật toán là gì? Xem lại sơ đồ khối mô tả thuật toán.

B. Trắc nghiệm tham khảo

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu em cho là đúng

Câu 1: Có thể vẽ sơ đồ tư duy trong trường hợp nào sau đây:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------|
| A. Tóm tắt bài học lịch sử | B. Viết lời bài hát |
| C. giải một bài toán | D. Cả ba đáp án trên đều đúng |

Câu 2: Cho các thông tin sau:

- a. Vẽ các hình elip và viết các từ “đường ô tô”, “đường hàng không”, “đường sông”, “đường biển”, “đường sắt”, “đường ống” vào các hình elip
- b. thảo luận về các loại hình giao thông vận tải
- c. Vẽ các đường nối từ chủ đề chính đến các chủ đề nhánh. Trên các đường nối, viết các từ, ví dụ từ “máy bay” trên đường nối với chủ đề nhánh “đường hàng không”.
- d. viết từ “giao thông vận tải” trong hình elip ở giữa tờ giấy
- e. vẽ hình elip ở giữa tờ giấy

Trật tự sắp xếp đúng là:

- | | |
|----------------------|----------------------|
| A. b – e – d – a – c | B. e – b – d – a – c |
| C. b – e – a – d – c | D. b – e – d – c – a |

Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi 19, 20:

Để có một cuộc sống khỏe mạnh, bạn cần:

- + Thực hiện chế độ ăn uống khoa học: ăn nhiều hoa quả và rau xanh; hạn chế sử dụng các thực phẩm có nhiều đường và chất béo; uống đủ nước mỗi ngày; ...
- + Thường xuyên vận động điều độ: đi bộ; bơi lội đá bóng, đá cầu; không nên vận động quá sức; không nên ngồi một chỗ quá lâu; ...
- + Đảm bảo có giấc ngủ tốt: phải ngủ đủ giấc và không nên đi ngủ muộn; trước lúc chuẩn bị đi ngủ, hãy thư giãn, hạn chế xem ti vi hay sử dụng điện thoại di động....

Câu 3: Từ thông tin trên, để vẽ sơ đồ tư duy, xác định chủ đề chính là:

- | | |
|------------------------|---------------------|
| A. Ăn uống khoa học | B. Vận động điều độ |
| C. Cuộc sống khỏe mạnh | D. Có giấc ngủ tốt |

Câu 4: Từ thông tin trên, đâu không phải là chủ đề nhánh:

- | | |
|---------------------|-----------------------------|
| A. Có giấc ngủ tốt | B. Luôn yêu đời và mỉm cười |
| C. Vận động điều độ | D. Ăn uống khoa học |

Câu 5: Thao tác nào không phải là thao tác định dạng văn bản?

- A. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng
- C. Căn giữa đoạn văn bản

- B. Chọn chữ màu xanh
- D. Thêm hình ảnh vào văn bản

Câu 6: Phát biểu nào sau đây là đúng:

- A. Phần mềm soạn thảo văn bản chỉ có thể cài đặt được trên máy tính.
- B. Em không thể làm việc cộng tác với người khác trên cùng một văn bản ở bất cứ đâu.
- C. Có nhiều loại phần mềm soạn thảo văn bản khác nhau.
- D. Em không thể chỉnh sửa lại văn bản sau khi đã lưu.

Câu 7: Việc phải làm đầu tiên khi muốn thiết lập định dạng cho một đoạn văn bản là:

- A. Vào thẻ Home, chọn nhóm lệnh Paragraph
- B. Cần phải chọn toàn bộ đoạn văn bản
- C. Đưa con trỏ soạn thảo vào vị trí bất kì trong đoạn văn bản
- D. Nhấn phím Enter

Câu 8: Sắp xếp các bước để chọn hướng trang (Orientation)

- a. Nháy chuột chọn Orientation và chọn hướng trang đúng Portrait
- b. Tìm Page Setup
- c. Nháy chuột chọn Page layout

Trật tự sắp xếp đúng là:

- A. c - b - a
- B. c - a - b
- C. b - c - a
- D. b - a - c

Câu 9: Phát biểu nào đúng khi nói đến các cách để xác định đoạn văn bản cần định dạng

- A. Đặt con trỏ vào trong đoạn văn bản.
- B. Đánh dấu một phần đoạn văn bản.
- C. Đánh dấu toàn bộ đoạn văn bản.
- D. Hoặc A hoặc B hoặc C.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây đúng:

- A. khi soạn thảo văn bản trên máy tính, em luôn phải trình bày văn bản ngay khi gõ nội dung
- B. khi gõ nội dung, khi hết dòng máy tính không tự động xuống dòng
- C. khi soạn thảo văn bản trên máy tính, em có thể sửa lỗi trong văn bản sau khi gõ xong nội dung hoặc bất cứ lúc nào em cảm thấy cần thiết.
- D. em chỉ có thể trình bày nội dung văn bản bằng một vài phong chữ nhất định.

Câu 11: Thao tác nào sau đây không thực hiện được sau khi dùng lệnh File/Print để in văn bản?

- A. Nhập số trang cần in
- B. Chọn khổ giấy in
- C. Thay đổi lề của đoạn văn bản
- D. Chọn máy in để in nếu máy tính được cài đặt nhiều máy in

Câu 12: Muốn chèn hình ảnh vào văn bản, ta thực hiện lệnh nào sau đây:

- A. Insert -> Clip Art
- B. Insert -> Shape
- C. Insert -> Picture
- D. Insert -> SmartArt

Câu 13: Bạn An đang định in trang văn bản, theo em khi đang ở chế độ in, An có thể làm gì?

- A. Xem tất cả các trang văn bản
- B. Chỉ có thể thấy trang văn bản mà An đang làm việc
- C. Chỉ có thể thấy các trang không chứa hình ảnh
- D. Chỉ có thể thấy trang đầu tiên của văn bản

Câu 14: Nhu cầu xử lí thông tin dạng bảng là:

- A. Dễ so sánh
- C. Dễ học hỏi

- B. Dễ in ra giấy
- D. Dễ di chuyển

Câu 15: Để căn chỉnh lề, hướng của văn bản trong ô bạn cần sử dụng nhóm lệnh:

- A. Cell size
- C. Rows & columns

- B. Alignment
- D. Merge

Câu 16: Trình bày thông tin ở dạng bảng giúp em

- A. biết được nguồn gốc thông tin để có thể dễ dàng tìm kiếm và tổng hợp thông tin
- B. tạo và định dạng văn bản
- C. có thể tìm kiếm và sao chép mọi thông tin
- D. trình bày thông tin một cách cô đọng, có thể dễ dàng tìm kiếm, so sánh, tổng hợp được thông tin.

Câu 17: Cho các bước tạo bảng:

- a. Chọn nút tam giác nhỏ bên dưới Table
- b. Di chuyển chuột từ góc trên, bên trái của số Insert Table để chọn số cột, số hàng.
- c. Chọn Insert

Trật tự sắp xếp các bước đúng:

- A. a – b – c
- B. b – c – a
- C. a – c – b
- D. c – a – b

Câu 18: Cách di chuyển con trỏ soạn thảo trong bảng là:

- A. Chỉ sử dụng các phím mũi tên trên bàn phím.
- B. Chỉ sử dụng chuột.
- C. Sử dụng thanh cuộn ngang, dọc.
- D. Có thể sử dụng chuột, phím Tab hoặc các phím mũi tên trên bàn phím.

Câu 19: Sử dụng lệnh Insert/Table rồi dùng chuột kéo thả để chọn số cột và số hàng thì số cột, số hàng tối đa có thể tạo được là:

- A. 10 cột, 10 hàng.
- B. 10 cột, 8 hàng.
- C. 8 Cột, 8 hàng.
- D. 8 cột, 10 hàng.

Câu 20: Độ rộng của cột và hàng sau khi được tạo:

- A. luôn luôn bằng nhau
- B. không thể thay đổi
- C. có thể thay đổi
- D. có thể bằng nhau nhưng không thể thay đổi

Câu 21: Nếu muốn tạo bảng nhiều cột, hàng hơn ta thực hiện như thế nào?

- A. Insert -> Table -> Quick Tables
- B. Insert -> Table -> Insert Table
- C. Insert -> Table -> Drawtable
- D. Insert -> Table -> Excel Spreadsheets

Câu 22: Khi sử dụng hộp thoại "Find and Replace", nếu tìm được một từ mà chúng ta không muốn thay thế, chúng ta có thể bỏ qua từ đó bằng cách chọn lệnh nào?

- A. Replace All.
- B. Replace
- C. Find Next.
- D. Cancel.

Câu 23: Khi thực hiện lệnh: Home ->Editing -->Replace có nghĩa là:

- A. Thực hiện thay thế

- B. Thực hiện tìm kiếm
- C. Xuất hiện hộp thoại Find and Replace
- D. Xóa lệnh thực hiện

Câu 24: Công cụ nào trong chương trình soạn thảo văn bản Word cho phép tìm nhanh các cụm từ trong văn bản và thay thế cụm từ đó bằng một cụm từ khác?

- A. Lệnh Find trong bảng chọn Edit
- B. Lệnh Find and Replace... trong bảng chọn Edit
- C. Lệnh Replace trong bảng chọn Edit
- D. Lệnh Search trong bản chọn File

Câu 25: Sau khi sử dụng lệnh Find trong bảng chọn Edit để tìm được một từ, muốn tìm cụm tiếp theo, em thực hiện ngay thao tác nào dưới đây?

- A. Nháy nút Find Next
- B. Nhấn nút Next
- C. Nhấn phím Delete
- D. Tất cả ý trên

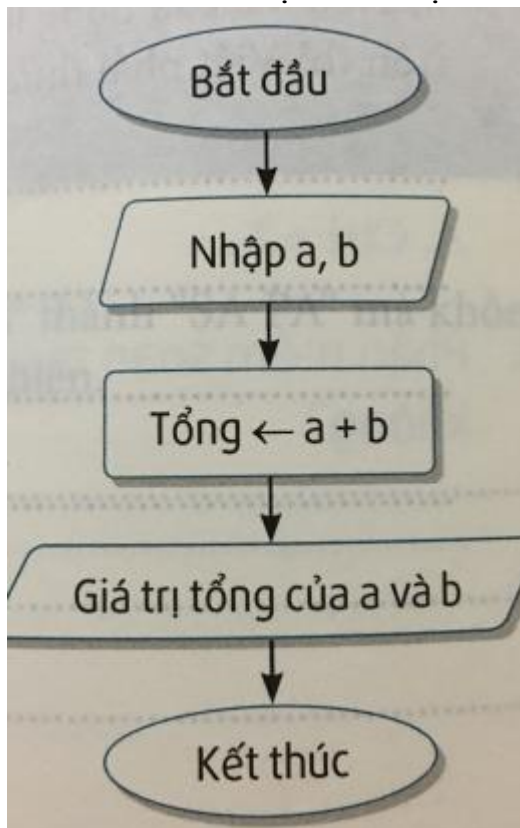
Câu 26: Thuật toán là gì?

- A. Các mô hình và xu hướng được sử dụng để giải quyết vấn đề.
- B. Một dãy các chỉ dẫn từng bước để giải quyết vấn đề.
- C. Một ngôn ngữ lập trình.
- D. Một thiết bị phần cứng lưu trữ dữ liệu.

Câu 27: Sơ đồ khối của thuật toán là:

- A. ngôn ngữ giao tiếp giữa người và máy tính
- B. một biểu đồ gồm các đường cong và các mũi tên chỉ hướng
- C. một sơ đồ gồm các hình mô tả các bước và đường mũi tên để chỉ hướng thực hiện
- D. ngôn ngữ tự nhiên

Câu 28: Sơ đồ thuật toán được biểu diễn như hình bên là thuật toán:



- A. liệt kê

- B. sơ đồ khối
- C. hỗn hợp
- D. sắp xếp

Câu 29: Thuật toán có thể được mô tả bằng:

- A. ngôn ngữ viết
- B. ngôn ngữ kí hiệu
- C. ngôn ngữ logic toán học
- D. ngôn ngữ tự nhiên (liệt kê các bước) và sơ đồ khối

Câu 30: Trong thuật toán, biểu tượng dưới đây có nghĩa:



- A. Bắt đầu hoặc kết thúc
- B. Đầu vào hoặc Đầu ra
- C. Bước xử lí
- D. Chỉ môn: hướng thực hiện tiếp theo

II. Tự luận

Câu 1: Sơ đồ tư duy là gì? Lợi ích của việc sử dụng sơ đồ tư duy?

Câu 2: Nêu cách chọn hướng trang và lề trang.

Câu 3: Nêu lợi ích việc trình bày thông tin dưới dạng bảng.

Câu 4: Nêu thao tác tìm kiếm và thay thế.

Câu 5: Thuật toán là gì? Xem lại sơ đồ khối mô tả thuật toán.

-----Hết-----